

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 7 – 2023

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Liêm.
- Ông Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Y, sinh năm: 1980; Địa chỉ: khóm 3, phường Tân X, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (Có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm: 1979; Địa chỉ: khóm 3, phường Tân X, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Ngọc Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh Q chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2000, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán ở địa phương vào ngày 21/11/2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng ông, bà tự hàn gắn cùng nhau lo cho các con. Đến năm 2017 bà với ông Q tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Y là do ông, bà bất đồng quan điểm trong cuộc dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ

hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải hàn gắn. Ông, bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Q.

Về con chung: Bà Y xác định: Ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 21/9/2001, Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện cháu Qu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Quỳnh hiện đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Minh Q thể hiện:

Về hôn nhân: Ông Q xác định về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, ly thân đúng như bà Y trình bày. Nay bà Y xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Q xác định: Ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 21/9/2001, Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện cháu Qu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Quỳnh hiện đang sống cùng bà Y. Khi ly hôn ông yêu cầu bà Y trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Qu xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Qu khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà

Do bận công việc, không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được nên ông Qu xin không tham gia tố tụng từ giai đoạn tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến giai đoạn xét xử sơ thẩm tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc Y về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Q thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; ông Q là bị đơn có nơi cư trú tại nhà không số, khóm 3, phường Tân X, thành phố CM, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Minh Q có đơn yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Y và ông Nguyễn Minh Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương vào ngày 21/11/2023. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông, bà đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên

hôn nhân giữa ông, bà không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay ông, bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Ông, bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bà Y cương quyết xin ly hôn, trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn, bà cũng không trở về chung sống với ông Q được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của ông Q và bà Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên ông, bà không được công nhận là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Bà Y, ông Q xác định: Ông, bà có hai người con chung Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 21/9/2001, Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện cháu Qu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Quỳnh hiện đang sống cùng bà Y. Khi ly hôn bà Y, ông Q thỏa thuận giao cháu Quỳnh cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của bà Y, ông Q. Ông, bà ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Hơn nữa, cháu Quỳnh cũng có ý kiến nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn, để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Quỳnh cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà Y, ông Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Y, ông Q khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Ngọc Y và ông Nguyễn Minh Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 01/11/2009, hiện cháu Quỳnh đang sống cùng bà Y, cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 21/9/2001 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Y, ông Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Y, ông Q khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng, chưa nộp). Ngày 12 tháng 6 năm 2023, bà Yến đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003555 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung